

CÔNG TY CỔ PHẦN VIJASUN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIJASUN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIJASUN GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIJASUN GROUP JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3702885077

3. Ngày thành lập: 18/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 55 đường số 7, KDC Hiệp Thành 2, Khu phố 8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; Dịch vụ tư vấn hồ sơ làm visa; xin cấp, đổi giấy phép lao động; Hoạt động dịch thuật	8299
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Nhà dưỡng lão có sự chăm sóc điều dưỡng; Nhà an dưỡng; Nhà nghỉ có chăm sóc điều dưỡng; Nhà điều dưỡng	8710
3.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già: Cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người già, những người mà không thể tự chăm sóc mình một cách đầy đủ; Nhà dành cho người già với sự chăm sóc điều dưỡng tối thiểu;	8730
4.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên	9329
5.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa máy vi tính và các thiết bị văn phòng	9511
6.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
7.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (không bao gồm môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	9633
8.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ quầy bar)	5621
14.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar)	5629
15.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ	8010
16.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
17.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
18.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, hoa và cây; động vật sống (không bao gồm động vật hoang dã và động vật quý hiếm), thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
21.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
22.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản; rau, quả; cà phê; chè; đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
23.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước ngọt, nước giải khát, nước tinh khiết	4633
24.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn sách, báo, tạp chí, giấy bút; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn ô dù, dao, kéo, xe đạp và phụ tùng xe đạp, đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường, đồ trang sức, nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội)	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

29.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô. Bán buôn xăng dầu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn và các sản phẩm liên quan, khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật); Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực thực phẩm, sản phẩm thuốc lá thuốc láo trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Rượu, bia và đồ uống không chứa cồn	4723
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỡ nhờn, dầu bôi trơn, xăng dầu trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
39.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
40.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
41.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
42.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất đồ uống không cồn	1104
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
46.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
47.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
52.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
53.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
54.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội)	4764
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
56.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm chức năng, bán lẻ dầu khuynh diệp, dầu gió xanh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
57.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, chăn màn lưu động hoặc tại chợ	4789
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932(Chính)
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng xe tải, xe container, xe đầu kéo, xe bồn, xe téc; Vận tải hàng hóa bằng xe máy	4933
61.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
62.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan - Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa - Dịch vụ nâng cẩu hàng hoá; - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ logistics; - Đại lý bán vé máy bay, vé tàu; - Dịch vụ môi giới hợp đồng vận chuyển, hợp đồng lai dắt tàu biển; - Môi giới hợp đồng thuê tàu biển (Không kèm thủy thủ đoàn)	5229
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, cà phê, nước giải khát (trừ quầy bar)	5630
71.	Xuất bản phần mềm	5820
72.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Viết và lập trình phần mềm theo yêu cầu. Lập trình máy tính	6201
73.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp. Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu; Các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính	6202
74.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
75.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312
76.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
77.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
78.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế xây dựng).	7410
79.	Cho thuê xe có động cơ	7710
80.	Đại lý du lịch	7911
81.	Điều hành tua du lịch	7912
82.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
83.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
84.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện	8230
85.	In ấn Chi tiết: In tờ rơi, áp phích, lựa, tranh ảnh, in băng rôn, in kỹ thuật số, in bao bì, biểu mẫu, in danh thiếp	1811
86.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

87.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá Chi tiết: Sản xuất, chế biến đá mỹ nghệ, đá lát	2396
88.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Lắp ráp các máy tính điện tử như màn hình, máy tính để bàn, máy chủ, máy xách tay; các thiết bị ngoại vi máy tính như thiết bị lưu trữ và thiết bị ra/vào (máy in, màn hình, bàn phím)	2620
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp	4293
95.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	4299
96.	Phá dỡ	4311
97.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
98.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
99.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
101.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
102.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
103.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
104.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI DUY QUẢNG	Tổ 8, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	031424780	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	BÙI QUANG HÙNG	Số 1/41 Lê Đại Hành, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	031499246	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000		

3	BÙI QUANG TIỀN	Số 1/41 Lê Đại Hành, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	031062002053
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI QUANG HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 03/03/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031499246

Ngày cấp: 31/03/2008

Nơi cấp: Công an TP Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1/41 Lê Đại Hành, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1/41 Lê Đại Hành, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương